

Số: 214/2021/QĐST-HNGĐ

TP. Thái Bình, ngày 23 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 146/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1985;

Nơi ĐKKHKT: Tổ x, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Số nhà y, ngõ z, đường N, tổ c, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- *Bị đơn*: Anh **Vũ Mạnh H2**, sinh năm 1979;

Nơi ĐKKHKT: Tổ x, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Số nhà y, ngõ z, đường N, tổ c, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 62, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Mạnh H2.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Quan hệ con chung*: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Mạnh H2 có 02 con chung là Vũ Đình H3, sinh ngày 25/10/2007 và Vũ Hữu P, sinh ngày 21/9/2010. Ly hôn, chị H và anh H2 thống nhất giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con Vũ Hữu P, anh Vũ Mạnh H2 trực tiếp nuôi dưỡng con Vũ Đình H. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Mạnh H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Mạnh H2 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Mạnh H2 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

- *Quan hệ tài sản*: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Mạnh H2 có tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 79, tờ bản đồ số 24, diện tích 50 m² mục đích sử dụng: Đất ở, tên người sử dụng đất: Ông Vũ Mạnh H2 và bà Nguyễn Thị H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BU662890 do UBND Thành phố Thái Bình cấp ngày 10/11/2014 và 01 ngôi nhà trên thửa đất này. Ly hôn, chị H và anh H2 thống nhất: Chị Nguyễn Thị H được quyền sử dụng thửa đất số 79, tờ bản đồ số 24, diện tích 50 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BU662890 do UBND Thành phố Thái Bình cấp ngày 10/11/2014 và được quyền sở hữu 01 ngôi nhà trên thửa đất này. Chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho anh Vũ Mạnh H2 là 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*).

- *Án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 8.000.000 đồng án phí chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 16.300.000 đồng theo biên lai số 0000433 ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; chị Nguyễn Thị H được hoàn trả lại tiền chênh lệch là 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*). Anh Vũ Mạnh H2 phải nộp 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*) án phí chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (Giấy chứng nhận kết hôn số x/2006 ngày 25/12/2006);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hương